

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
ĐỢT 2 NĂM 2025



KẾT QUẢ PHÚC TRA
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 2 NĂM 2025
KHU VỰC PHÍA BẮC

(Ban hành kèm theo Thông báo số 67/TB-HĐKT ngày 06 tháng 02 năm 2026
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 2 năm 2025)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	KẾT QUẢ
1	Nguyễn Thị	An	05/09/1999	Thái Nguyên	03	44.5	56.75	50	42.5		KHÔNG ĐẠT
2	Ngô Hải	An	15/05/1974	TP. Hà Nội	04	40.25	68.75	50	50		ĐẠT
3	Nguyễn Thúy	An	11/01/2000	TP. Hà Nội	05	43	69.75	60	51.25		ĐẠT
4	Trần Bình	An	03/07/1992	TP. Hà Nội	08	43.75	55.75	52.5	38		KHÔNG ĐẠT
5	Trương Thị Thùy	An	24/04/1991	TP. Hà Nội	09	42.5	46.75	50	38.8	47.75	KHÔNG ĐẠT
6	Đỗ Minh	Anh	18/01/1999	TP. Hà Nội	14	36.25	68	62.5	30		KHÔNG ĐẠT
7	Ngô Thị Minh	Anh	12/02/2000	TP. Hà Nội	23	30	56	50	31.75		KHÔNG ĐẠT
8	Đào Bảo	Anh	05/09/2000	TP. Hà Nội	32	42.5	50.25	57.5	47.25		KHÔNG ĐẠT
9	Nguyễn Tuấn	Anh	21/12/1998	TP. Hà Nội	34	38.75	60.75	62.5	42.25		KHÔNG ĐẠT
10	Ngô Tôn Phương	Anh	13/04/1997	TP. Hà Nội	35	40	50.25	67.5	34.75		KHÔNG ĐẠT
11	Phạm Duy	Anh	12/08/1997	TP. Hà Nội	41	46.5	71.25	57.5	40.5		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	KẾT QUẢ
12	Phùng Tiến	Anh	04/08/1996	TP. Hà Nội	44	55	46.5	57.5		48.5	KHÔNG ĐẠT
13	Nguyễn Hoàng	Anh	28/03/1998	TP. Hà Nội	46	26.25	44	55	30	44	KHÔNG ĐẠT
14	Vũ Thế	Anh	06/10/1987	TP. Hà Nội	47	37.5	60.75	50	44		KHÔNG ĐẠT
15	Dương Thị Hải	Anh	03/01/1994	TP. Hà Nội	49	34.75	66.75	67.5	30.5		KHÔNG ĐẠT
16	Phạm Thị Tố Vân	Anh	10/02/1993	TP. Hà Nội	51	37	33.5	57.5	40.25	27.25	KHÔNG ĐẠT
17	Vũ Hoàng	Anh	10/12/1998	TP. Hà Nội	52	55.75	48.5	70		50	ĐẠT
18	Vũ Thị Phương	Anh	29/01/1995	TP. Hà Nội	59	35.5	40.5	62.5	40.75	47	KHÔNG ĐẠT
19	Vũ Thị Hồng	Ánh	22/12/1999	TP. Hà Nội	62	45.75	70	65	45.75		KHÔNG ĐẠT
20	Nguyễn Ngọc	Ánh	14/01/1996	TP. Hà Nội	66	39.5	54.25	65	34.75		KHÔNG ĐẠT
21	Phạm Ngọc	Ánh	25/02/1990	TP. Hà Nội	67	45.5	63.5	50	36.75		KHÔNG ĐẠT
22	Lê Thị	Ánh	28/01/1998	TP. Hà Nội	69	39.25	53.25	70	40.25		KHÔNG ĐẠT
23	Nguyễn Văn Việt	Bắc	21/08/1998	TP. Hà Nội	71	40	46.75	55	39.25	45.5	KHÔNG ĐẠT
24	Nguyễn Văn	Bảng	02/10/1978	TP. Hà Nội	72	41	44.75	55	44.25	47.25	KHÔNG ĐẠT
25	Trần Huy	Bảo	11/02/1999	TP. Hà Nội	74	38.5	44.75	55	32.5	44	KHÔNG ĐẠT
26	Nguyễn Ngọc	Bích	22/02/1998	TP. Hà Nội	79	37.5	46.25	50.5	29.25	46.25	KHÔNG ĐẠT
27	Nguyễn Thị	Chuyện	23/01/1983	Bắc Ninh	97	19.25	53.25	50	21		KHÔNG ĐẠT
28	Hoàng Thị	Cúc	28/01/1998	Nghệ An	99	43.25	71.75	61.5	40		KHÔNG ĐẠT
29	Đỗ Tự	Cường	29/08/1972	TP. Hà Nội	104	28	25	50.5	36.25	28.25	KHÔNG ĐẠT
30	Vũ Đặng Việt	Cường	14/12/1982	TP. Hà Nội	108	36.75	51.5	50	43.5		KHÔNG ĐẠT

ĐBAMB

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	KẾT QUẢ
31	Nguyễn Mạnh	Cường	26/12/1997	TP. Hà Nội	109	39.125	52.5	62.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
32	Phạm Quang	Đại	14/09/1999	TP. Hà Nội	113	27.25	47.25	52.5	27.5	42	KHÔNG ĐẠT
33	Phạm Quang	Đại	29/10/1971	TP. Hà Nội	114	29.5	55.25	57.5	22.25		KHÔNG ĐẠT
34	Vũ	Đại	06/09/1975	TP. Hà Nội	115	34	53.75	50	33		KHÔNG ĐẠT
35	Nguyễn Thị	Diễm	05/01/1993	Bắc Ninh	127	44.5	55.25	67.5	41.5		KHÔNG ĐẠT
36	Đỗ Văn	Đông	15/06/1992	TP. Hà Nội	134	42.75	43.5	57.5	37.25	42	KHÔNG ĐẠT
37	Nguyễn Thị Thùy	Dung	29/10/1994	TP. Hà Nội	145	32.5	56.25	58.5	24		KHÔNG ĐẠT
38	Trần Thị Phương	Dung	21/03/2000	TP. Hà Nội	146	47.25	64.5	60	39.25		KHÔNG ĐẠT
39	Phan Ngọc	Dung	01/06/1992	TP. Hà Nội	147	40.75	41	52.5	38.25	48.25	KHÔNG ĐẠT
40	Phạm Ngọc	Dung	07/05/1979	TP. Hà Nội	149	39.25	50.25	55	35		KHÔNG ĐẠT
41	Hoàng Anh	Dũng	02/4/1999	Vĩnh Phúc	151	27.5	66	52.5	29		KHÔNG ĐẠT
42	Trần Trung	Dũng	14/02/1972	TP. Hà Nội	155	43.25	50.25	50	36.5		KHÔNG ĐẠT
43	Nguyễn Chí	Dũng	22/08/1990	TP. Hà Nội	156	39	39.5	51	42	48	KHÔNG ĐẠT
44	Đỗ Văn	Dương	10/05/1983	TP. Hà Nội	162	36	53	55	42.25		KHÔNG ĐẠT
45	Bùi Thị Thùy	Dương	22/09/1996	TP. Hà Nội	165	43.75	63.5	70	46.25		KHÔNG ĐẠT
46	Đàm Thuý	Dương	20/12/2000	TP. Hà Nội	170	44.25	52	60	51		ĐẠT
47	Trương Ngọc	Duy	25/5/1987	Nghệ An	171	40.5	55.5	50	50		ĐẠT
48	Nguyễn Trường	Giang	16/6/1978	Điện Biên	175	29.5	30	50	27.5	26.75	KHÔNG ĐẠT
49	Nguyễn Hương	Giang	24/11/1999	TP. Hà Nội	178	44.25	56.25	50	43.75		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Văn

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	KẾT QUẢ
50	Đỗ Ngân	Giang	23/07/2000	TP. Hà Nội	179	47	51	50	50		ĐẠT
51	Phan Thị	Giang	20/07/1999	TP. Hà Nội	180	40	57.5	50	37.75		KHÔNG ĐẠT
52	Dương Ngô	Giang	13/11/1983	TP. Hà Nội	181	37.5	61.25	50	32.8		KHÔNG ĐẠT
53	Nguyễn Sơn	Hà	24/3/1975	TP. Hải Phòng	187	41	36.75	50	39.5	39.25	KHÔNG ĐẠT
54	Trần Song	Hà	27/04/1974	TP. Hà Nội	197	44	57	55	41.75		KHÔNG ĐẠT
55	Vũ Thị Thu	Hà	21/03/1981	TP. Hà Nội	203	53.75	46	50		50	ĐẠT
56	Nguyễn Thị Thu	Hà	14/01/1997	TP. Hà Nội	204	38.75	54	60	46.25		KHÔNG ĐẠT
57	Đinh Ngọc Thu	Hà	29/03/1996	TP. Hà Nội	208	39.5	66.5	50	50		ĐẠT
58	Nguyễn Thị Minh	Hân	22/06/1997	TP. Hà Nội	217	38.5	62.5	58	36.75		KHÔNG ĐẠT
59	Nguyễn Thị Thu	Hằng	21/06/1998	TP. Hà Nội	219	45	64	68.5	43.5		KHÔNG ĐẠT
60	Lê Thanh	Hằng	06/07/2000	TP. Hà Nội	223	38.75	50.25	58.5	41		KHÔNG ĐẠT
61	Phan Thị Thanh	Hằng	17/05/1993	TP. Hà Nội	228	38	55.5	67.5	50		ĐẠT
62	Phạm Ngân	Hạnh	20/06/1996	TP. Hà Nội	232	37	70.25	52	42.25		KHÔNG ĐẠT
63	Vũ Thị	Hậu	26/11/1989	TP. Hà Nội	239	33	53.75	55	26.25		KHÔNG ĐẠT
64	Nguyễn Thị Thu	Hiền	24/12/1999	TP. Hà Nội	246	42	52.75	55	40		KHÔNG ĐẠT
65	Phạm Thị Thu	Hiền	08/08/1998	TP. Hà Nội	249	45.75	57.25	60	43.25		KHÔNG ĐẠT
66	Ngô Tiến	Hiền	20/4/1997	Bắc Ninh	251	58.75	45.5	50		48.75	KHÔNG ĐẠT
67	Hoàng Trọng	Hiếu	31/8/1997	Sơn La	257	41.25	50	52.5	42.25		KHÔNG ĐẠT
68	Bùi Trung	Hiếu	27/05/2000	TP. Hà Nội	259	41	64.5	70	47.5		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Ngân

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	KẾT QUẢ
69	Lê Minh	Hiếu	08/12/2000	TP. Hà Nội	260	44	64.5	70	46.25		KHÔNG ĐẠT
70	Nguyễn Trung	Hiếu	09/01/1990	TP. Hà Nội	261	41	64.25	55	41		KHÔNG ĐẠT
71	Nguyễn Viết	Hiếu	21/09/1995	TP. Hà Nội	263	42	60.5	60	36.25		KHÔNG ĐẠT
72	Nguyễn Hữu	Hiếu	02/04/2000	TP. Hà Nội	264	41.25	61	55	43.75		KHÔNG ĐẠT
73	Đào Huy	Hiệu	21/06/1998	TP. Hà Nội	267	46.5	63.5	55	41.25		KHÔNG ĐẠT
74	Đỗ Quỳnh	Hoa	13/4/1998	Thái Nguyên	269	39.5	62.75	70	33.75		KHÔNG ĐẠT
75	Nguyễn Thị	Hoa	01/10/1977	TP. Hà Nội	271	53	47	50		50	ĐẠT
76	Trần Thị	Hoa	07/04/1992	TP. Hà Nội	274	40	54	50	35		KHÔNG ĐẠT
77	Ninh Văn	Hòa	07/07/1998	TP. Hà Nội	278	45.75	63.5	52.5	50		ĐẠT
78	Đào Thị	Hòa	29/11/1995	TP. Hà Nội	279	36.75	54.5	55	38.25		KHÔNG ĐẠT
79	Đào Thị	Hoài	21/9/1999	Tuyên Quang	283	36.875	77.25	50	41.25		KHÔNG ĐẠT
80	Phạm Phi	Hùng	21/11/1990	TP. Hà Nội	302	33.5	69.75	50.5	34.75		KHÔNG ĐẠT
81	Lê Mạnh	Hùng	16/05/2000	TP. Hà Nội	303	46	59	50	43.25		KHÔNG ĐẠT
82	Phạm Bá	Hùng	01/03/1971	TP. Hà Nội	304	28	52.25	53	25.5		KHÔNG ĐẠT
83	Nguyễn Bá	Hung	14/11/1978	TP. Hà Nội	312	47.5	42.25	53	42.5	44	KHÔNG ĐẠT
84	Trần Phan	Hung	01/07/1995	TP. Hà Nội	315	29.75	35	50	34.5	39	KHÔNG ĐẠT
85	Phạm Thị Thu	Hương	06/4/1992	TP. Hải Phòng	317	37.75	56.25	50	39.5		KHÔNG ĐẠT
86	Trịnh Xuân	Hương	15/03/1976	TP. Hà Nội	326	44	38.75	52	43	38.5	KHÔNG ĐẠT
87	Nguyễn Thị Lan	Hương	01/01/1978	TP. Hà Nội	329	32.75	44.25	50	32	40.5	KHÔNG ĐẠT

ĐDAMB

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	KẾT QUẢ
88	Lê Thị	Hường	03/08/1999	TP. Hà Nội	336	38	55.5	50	35		KHÔNG ĐẠT
89	Phạm Đăng	Huy	12/10/1998	TP. Hà Nội	337	41.25	51.75	54	43.5		KHÔNG ĐẠT
90	Nguyễn Phú Quang	Huy	22/01/2000	TP. Hà Nội	338	37.75	63.5	52	30.25		KHÔNG ĐẠT
91	Nguyễn Tuấn	Huy	29/07/1974	TP. Hà Nội	339	30.25	59.25	52.5	35		KHÔNG ĐẠT
92	Nguyễn Trọng	Huy	30/08/1987	TP. Hà Nội	341	57.25	41.25	55		44	KHÔNG ĐẠT
93	Đào Thị Thu	Huyền	03/12/1984	TP. Hà Nội	353	43.75	52.5	57.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
94	Vũ Thị Khánh	Huyền	06/12/1996	TP. Hà Nội	354	39.25	75.25	62.5	37		KHÔNG ĐẠT
95	Hoàng Bảo	Huyền	10/08/1992	TP. Hà Nội	355	35.25	66.5	57.5	30		KHÔNG ĐẠT
96	Hoàng Ngọc	Khải	31/08/1978	TP. Hà Nội	364	60.25	48.75	62.5		48	KHÔNG ĐẠT
97	Vy Trung	Kiên	30/11/1996	TP. Hà Nội	370	40.25	60.25	52.5	32		KHÔNG ĐẠT
98	Cao Trung	Kiên	06/08/1990	TP. Hà Nội	371	54.5	42.25	50		43.75	KHÔNG ĐẠT
99	Lê Thị	La	20/04/1975	TP. Hà Nội	373	40.75	52.5	54.5	37		KHÔNG ĐẠT
100	Chu Thị Tuyết	Lan	05/12/1975	TP. Hà Nội	379	32.75	51.5	50	40.75		KHÔNG ĐẠT
101	Vương Thị	Liều	28/06/1994	TP. Hà Nội	387	59	44.75	50.5		50	ĐẠT
102	Hà Thị Thùy	Linh	04/5/1997	TP. Hải Phòng	390	38.25	60	57.5	35		KHÔNG ĐẠT
103	Nguyễn Bảo	Linh	08/7/1995	Quảng Ninh	392	59.75	43.75	66.5		45.75	KHÔNG ĐẠT
104	Bùi Mạnh	Linh	15/11/1999	TP. Hà Nội	397	58.5	46.75	60.5		45	KHÔNG ĐẠT
105	Hoàng Thùy	Linh	05/03/1994	TP. Hà Nội	400	48	57.75	58	40		KHÔNG ĐẠT
106	Hoàng Khánh	Linh	12/07/2000	TP. Hà Nội	403	35.5	58.75	67	26.75		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	KẾT QUẢ
107	Lê Thùy	Linh	10/08/2000	TP. Hà Nội	404	37.5	57	62	29		KHÔNG ĐẠT
108	Đỗ Phương	Linh	21/08/1998	TP. Hà Nội	406	43	54.25	52	45.5		KHÔNG ĐẠT
109	Trần Thị Thuỳ	Linh	11/09/1999	TP. Hà Nội	409	40.75	73.25	55.5	39.5		KHÔNG ĐẠT
110	Ngô Thị Khánh	Linh	26/06/1998	TP. Hà Nội	411	50	44	56		49	KHÔNG ĐẠT
111	Hoàng Diệu	Linh	30/04/1995	TP. Hà Nội	412	37	65.5	55	46.25		KHÔNG ĐẠT
112	Nguyễn Hoàng	Linh	12/10/1999	TP. Hà Nội	418	41.25	45	60	40	48.5	KHÔNG ĐẠT
113	Nguyễn Thùy	Linh	21/01/1996	TP. Hà Nội	419	29.5	62.5	50	35.75		KHÔNG ĐẠT
114	Nguyễn Mỹ	Linh	26/02/1998	TP. Hà Nội	422	44.75	58.25	57.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
115	Phạm Thị Châu	Loan	19/04/1985	TP. Hà Nội	425	44	51.5	50	44.5		KHÔNG ĐẠT
116	Đào Thị Ái	Loan	25/06/1971	TP. Hà Nội	426	55.5	40.5	67.5		50	ĐẠT
117	Nguyễn Ngọc	Long	12/02/2000	TP. Hà Nội	429	43.5	65.75	50	40.5		KHÔNG ĐẠT
118	Nguyễn Tiến	Long	15/10/1988	TP. Hà Nội	433	38.75	62	52.5	29.5		KHÔNG ĐẠT
119	Bùi Thị	Lụa	08/01/1999	TP. Hà Nội	437	48.5	71.25	67.5	45.25		KHÔNG ĐẠT
120	Lê Văn	Luân	18/10/1987	Vĩnh Phúc	438	30.75	51.5	57.5	35.75		KHÔNG ĐẠT
121	Nguyễn Ngọc	Lương	09/01/1965	Phú Thọ	441	39.25	59	50	33.5		KHÔNG ĐẠT
122	Nguyễn Văn	Lương	06/07/1996	TP. Hà Nội	442	51	45	60		48	KHÔNG ĐẠT
123	Nguyễn Thị Hương	Ly	05/01/2000	TP. Hà Nội	446	43.75	64.25	55	38		KHÔNG ĐẠT
124	Nguyễn Thị	Ly	15/06/1997	TP. Hà Nội	448	43	61.75	50	40		KHÔNG ĐẠT
125	Hoàng Thị	Lý	04/07/1993	TP. Hà Nội	449	38.5	46.5	50	38.75	47.75	KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	KẾT QUẢ
126	Trần Phương	Mai	18/01/2000	TP. Hà Nội	453	42	61.75	57.5	47		KHÔNG ĐẠT
127	Nguyễn Thị	Mai	19/12/1992	TP. Hà Nội	458	46.25	60.75	52.5	42.25		KHÔNG ĐẠT
128	Nguyễn Đình	Mạo	12/01/2000	Hà Tĩnh	461	41.75	51	50	37.75		KHÔNG ĐẠT
129	Chu Văn	Minh	10/10/1997	Nghệ An	464	33.25	70.5	57.5	36.5		KHÔNG ĐẠT
130	Đỗ Anh	Minh	10/11/1997	TP. Hà Nội	466	40.75	58.5	50	37		KHÔNG ĐẠT
131	Trần Lê Ngọc	Minh	22/04/1997	TP. Hà Nội	467	42	55.25	50	43.75		KHÔNG ĐẠT
132	Trịnh Thị Trà	My	25/11/1996	TP. Hà Nội	486	42.5	71.5	60	41.25		KHÔNG ĐẠT
133	Hoàng Thị Trà	My	10/07/1997	TP. Hà Nội	487	43.75	52	57.5	40.25		KHÔNG ĐẠT
134	Ngô Văn	Nam	28/07/1999	TP. Hà Nội	488	43.75	57.5	70	37.5		KHÔNG ĐẠT
135	Đặng Minh	Nam	08/04/1993	TP. Hà Nội	489	40	57.5	57.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
136	Nguyễn Bảo	Nam	14/09/1999	TP. Hà Nội	492	32.5	51	62.5	36		KHÔNG ĐẠT
137	Thái Trung	Nam	07/06/1981	Cần Thơ	495	51.25	43.5	60		50	ĐẠT
138	Lê Thị	Nga	01/7/1996	Thanh Hóa	496	44	51.5	65	43		KHÔNG ĐẠT
139	Trần Thị	Ngân	13/05/1996	TP. Hà Nội	507	27.5	52.75	65	23.5		KHÔNG ĐẠT
140	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	03/04/1999	TP. Hà Nội	512	43.75	58	60	41.5		KHÔNG ĐẠT
141	Trần Bảo	Ngọc	30/07/1999	TP. Hà Nội	514	35.75	61.75	60	38		KHÔNG ĐẠT
142	Vũ Thảo	Nguyễn	30/08/1999	TP. Hà Nội	527	36.5	59.25	50	38.75		KHÔNG ĐẠT
143	Phạm Vũ Minh	Nguyễn	15/05/1987	TP. Hà Nội	528	36.75	46	55	32.75	45.25	KHÔNG ĐẠT
144	Trần Minh	Nguyệt	05/01/1996	TP. Hà Nội	529	36.25	70.5	60	50.5		ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	KẾT QUẢ
145	Trần Hữu	Nhân	18/10/1982	Bắc Ninh	531	40.25	60.5	60	44		KHÔNG ĐẠT
146	Hoàng Phương	Nhi	26/05/1999	TP. Hà Nội	534	45.5	57.5	60	42.25		KHÔNG ĐẠT
147	Nguyễn Hồng	Nhung	13/02/1991	TP. Hà Nội	540	51.25	44.25	55		50.5	ĐẠT
148	Vũ Khánh	Nhung	14/12/1994	TP. Hà Nội	541	39.25	55.5	55	42		KHÔNG ĐẠT
149	Đặng Thị Tú	Oanh	14/04/1998	TP. Hà Nội	549	43.25	71.5	52.5	44.75		KHÔNG ĐẠT
150	Hà Kim	Oanh	13/05/1997	TP. Hà Nội	550	40.75	59.25	67.5	43.5		KHÔNG ĐẠT
151	Nguyễn Thị	Oanh	04/08/1991	TP. Hà Nội	552	32.5	60.75	65	23.5		KHÔNG ĐẠT
152	Lương Thị	Oanh	20/01/1995	TP. Hà Nội	553	39.25	59.5	50	31.5		KHÔNG ĐẠT
153	Tăng Chí	Phúc	26/01/1974	TP. Hà Nội	557	32.25	57	52.5	28		KHÔNG ĐẠT
154	Đặng Xuân	Phương	30/5/1996	Thái Nguyên	559	31.75	61.75	50	28.75		KHÔNG ĐẠT
155	Nguyễn Thị	Quảng	01/12/1989	TP. Hải Phòng	583	39.25	63.75	52.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
156	Vũ Đình	Quý	23/01/1983	TP. Hà Nội	584	37.25	53.5	65	36.25		KHÔNG ĐẠT
157	Phạm Văn	Quyền	14/02/1996	TP. Hà Nội	585	41.25	60	50	44.75		KHÔNG ĐẠT
158	Nguyễn Bình Trúc	Quỳnh	13/01/1997	TP. Hà Nội	588	42.5	74.25	60	42.5		KHÔNG ĐẠT
159	Vừ Bảo	Rê	10/9/1995	Nghệ An	589	42.5	56.75	55	33.75		KHÔNG ĐẠT
160	Vi Công	Sang	28/03/1996	TP. Hà Nội	590	40	35	55	37	37.75	KHÔNG ĐẠT
161	Lê Nguyên	Sinh	22/11/1994	TP. Hà Nội	593	54.75	35.5	52.5		42.5	KHÔNG ĐẠT
162	Đỗ Thị	Soạn	05/03/1993	TP. Hà Nội	595	35	54.75	70	39.25		KHÔNG ĐẠT
163	Lê Văn	Son	10/7/1993	Lạng Sơn	596	37.5	51.5	52.5	42		KHÔNG ĐẠT

QĐ Nmb

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoạn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	KẾT QUẢ
164	Cầm Bá	Sơn	16/12/1996	TP. Hà Nội	599	25	44	52.5	30.75	46.25	KHÔNG ĐẠT
165	Võ Duy Kiên	Sơn	11/05/1993	TP. Hà Nội	602	41.5	55.5	52.5	39.75		KHÔNG ĐẠT
166	Phạm Văn	Sỹ	23/12/1979	TP. Hà Nội	604	36.25	56.75	52.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
167	Hoàng Thanh	Tâm	24/03/1984	TP. Hà Nội	606	37.25	56.75	60	34.75		KHÔNG ĐẠT
168	Đỗ Minh	Tâm	28/02/1995	TP. Hà Nội	607	43.75	63.5	52.5	36		KHÔNG ĐẠT
169	Phạm Toàn	Thắng	12/01/1970	Quảng Ninh	618	32.25	52.75	50	27.75		KHÔNG ĐẠT
170	Dương Xuân	Thắng	25/10/1980	TP. Hà Nội	621	42	68.75	84.5	32.25		KHÔNG ĐẠT
171	Trịnh Văn	Thắng	20/05/1985	TP. Hà Nội	623	44.75	48.5	82	35.5	50	KHÔNG ĐẠT
172	Nguyễn Thu	Thanh	13/11/1997	TP. Hà Nội	630	34.5	63.25	62	31		KHÔNG ĐẠT
173	Bùi Công	Thành	06/05/1987	TP. Hà Nội	635	58.75	44.25	76		46.25	KHÔNG ĐẠT
174	Nguyễn Hữu	Thành	14/04/1995	TP. Hà Nội	636	43.5	52.75	68.5	35.75		KHÔNG ĐẠT
175	Đặng Phương	Thảo	16/6/1999	TP. Hải Phòng	639	63.75	44.25	79.5		51	ĐẠT
176	Nguyễn Thị	Thảo	16/07/1999	TP. Hà Nội	640	48.75	62.75	70	46.25		KHÔNG ĐẠT
177	Trần Thị	Thảo	09/02/1998	TP. Hà Nội	643	45.75	63.25	85.5	40.5		KHÔNG ĐẠT
178	Hoàng Thị	Thảo	28/02/1995	TP. Hà Nội	646	52.75	43	52.5		38.25	KHÔNG ĐẠT
179	Trần Quang	Thiện	26/11/1998	TP. Hà Nội	655	37.25	61	50	36.75		KHÔNG ĐẠT
180	Phạm Thị Minh	Thoa	30/05/1978	TP. Hà Nội	659	41.75	61.25	57	34.75		KHÔNG ĐẠT
181	Bùi Thị	Thom	26/01/1998	TP. Hà Nội	660	42.75	61.75	55	39.5		KHÔNG ĐẠT
182	Nguyễn Anh	Thư	16/01/1994	TP. Hà Nội	666	48	61.25	55	40		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	KẾT QUẢ
183	Vũ Hoài	Thương	02/02/1999	TP. Hà Nội	674	41.5	59.75	52.5	51.25		ĐẠT
184	Vũ Thị Hoài	Thương	03/11/1995	TP. Hà Nội	675	40.25	66.5	52.5	47.5		KHÔNG ĐẠT
185	Hồ Thị	Thúy	30/10/1998	TP. Hà Nội	678	39.75	67.25	60	46.25		KHÔNG ĐẠT
186	Phạm Ngọc	Thúy	10/05/1994	TP. Hà Nội	682	44.75	54.75	65	51.25		ĐẠT
187	Nguyễn Vinh	Thúy	23/07/1965	TP. Hà Nội	683	41.75	53.75	62.5	50		ĐẠT
188	Lương Thị Thu	Thủy	20/04/2000	TP. Hà Nội	688	37.5	58.25	62.5	43.75		KHÔNG ĐẠT
189	Phạm Vũ Thủy	Tiên	16/05/1999	TP. Hà Nội	691	51.75	43	62.5		50	ĐẠT
190	Nguyễn Văn	Tiến	05/09/1965	TP. Hà Nội	693	35	42	50	40	38.75	KHÔNG ĐẠT
191	Nguyễn Văn	Tiền	02/02/1993	TP. Hà Nội	695	55.5	36.75	42.5		44	KHÔNG ĐẠT
192	Hoàng Thị	Toàn	26/3/2000	Nghệ An	698	43.125	69.75	60	40.25		KHÔNG ĐẠT
193	Vũ Việt	Toàn	01/09/1998	TP. Hà Nội	699	34.875	57.5	80	42.5		KHÔNG ĐẠT
194	Lê Thị Hồng	Tới	21/03/1993	TP. Hà Nội	700	44.25	66.25	70	44		KHÔNG ĐẠT
195	Vũ Thị Huyền	Trang	03/06/1995	TP. Hà Nội	708	40.5	74.75	80	40		KHÔNG ĐẠT
196	Lương Thủy	Trang	28/06/1996	TP. Hà Nội	709	44.5	70.75	60	50.25		ĐẠT
197	Ma Quỳnh	Trang	02/01/2000	TP. Hà Nội	714	32.5	57.5	50	25		KHÔNG ĐẠT
198	Nguyễn Thị Minh	Trang	20/12/1991	TP. Hà Nội	715	40.25	60	57.5	43		KHÔNG ĐẠT
199	Phạm Thu	Trang	02/11/2000	TP. Hà Nội	716	45.25	54.75	50	44.75		KHÔNG ĐẠT
200	Nguyễn Thu	Trang	01/07/1997	TP. Hà Nội	724	52	45.5	57.5		46.5	KHÔNG ĐẠT
201	Phùng Thị Huyền	Trang	26/06/1999	TP. Hà Nội	725	37.25	59.75	52.5	33.75		KHÔNG ĐẠT

ĐDAMB

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	KẾT QUẢ
202	Diêm Thị Thu	Trang	28/06/1998	TP. Hà Nội	730	33.625	58	62.5	36.25		KHÔNG ĐẠT
203	Nguyễn Thị Huyền	Trang	09/09/1996	Đà Nẵng	731	42	65	52.5	45		KHÔNG ĐẠT
204	Nguyễn Kiều	Trinh	05/04/2000	TP. Hà Nội	735	46	76	50	40.25		KHÔNG ĐẠT
205	Đặng Việt	Trung	19/12/1999	Nghệ An	739	40	63.75	55	42.5		KHÔNG ĐẠT
206	Đỗ Xuân	Trung	26/5/1982	Thanh Hóa	740	42.25	51.5	62.5	35.75		KHÔNG ĐẠT
207	Ngô Quốc	Trung	17/12/1996	TP. Hà Nội	742	38	52.25	56	31.5		KHÔNG ĐẠT
208	Nguyễn Đức	Trung	01/02/1996	TP. Hà Nội	744	39.5	57.5	55	30.25		KHÔNG ĐẠT
209	Nguyễn Quốc	Trường	06/05/1984	TP. Hà Nội	745	38.25	50	50	39.25		KHÔNG ĐẠT
210	Hà Anh	Tú	04/12/1984	TP. Hà Nội	749	31.75	33.75	50	33	40	KHÔNG ĐẠT
211	Dương Thanh	Tú	05/07/1999	TP. Hà Nội	751	42	59	50	36.25		KHÔNG ĐẠT
212	Vũ Ngọc	Tuấn	04/06/1992	TP. Hà Nội	754	44	58	50	35.25		KHÔNG ĐẠT
213	Nguyễn Minh	Tuấn	03/05/1995	TP. Hà Nội	756	46.25	44	50	40.25	51.25	KHÔNG ĐẠT
214	Đỗ Mạnh	Tuấn	02/09/2000	TP. Hà Nội	757	41.25	43.5	50	40.5	46.5	KHÔNG ĐẠT
215	Bùi Sơn	Tùng	07/01/2000	TP. Hà Nội	760	43.25	62.75	65	41.5		KHÔNG ĐẠT
216	Đặng Văn	Tùng	08/12/1995	TP. Hà Nội	761	54.5	47.25	50		48.5	KHÔNG ĐẠT
217	Phạm Huy	Tùng	13/09/1997	TP. Hà Nội	764	45.25	57.25	50	39.25		KHÔNG ĐẠT
218	Nguyễn Trung	Tuyên	26/11/1998	TP. Hà Nội	768	38	60.25	50	42.25		KHÔNG ĐẠT
219	Vũ Quốc	Việt	09/03/1999	TP. Hà Nội	782	42.25	70.75	62.5	37		KHÔNG ĐẠT
220	Hoàng Văn	Vinh	12/11/1999	TP. Hà Nội	785	39.25	67.5	52.5	42.5		KHÔNG ĐẠT

ĐDNNLS

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	KẾT QUẢ
221	Phạm Tuấn	Vũ	22/8/1997	Quảng Ninh	786	42	54.5	52.5	34.25		KHÔNG ĐẠT
222	Khương Phú	Vũ	01/08/1999	TP. Hà Nội	787	45	54.5	72.5	36.5		KHÔNG ĐẠT
223	Phạm Hải	Yến	22/08/1993	TP. Hà Nội	795	43.5	65.75	50	45		KHÔNG ĐẠT

ĐD Nmb

VIỆT